

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 22/3/2022

(V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà
Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Từ ngày 21 tháng 3 năm 2022 đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa
án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự
thụ lý số 163/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST –
DS ngày 10 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST – DS
ngày 28/01/2022 và Thông báo mở phiên tòa sơ thẩm số 70/2022/TB-TA ngày
24/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: khu phố 10, phường A, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Y, sinh năm: 1977

Địa chỉ: thôn X, xã Y, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bà T có mặt, Bà Y vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2021 nguyên đơn là Bà T và
trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn
đều trình bày: Bà T và bà H là người quen biết ngoài xã hội, trong quá trình chơi
chung H có nói Bà Y có nhu cầu vay tiền. Qua sự giới thiệu của H nên vào ngày
24/8/2020 Bà T đã cho Bà Y vay 300.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc vay tiền
nên các bên đã ra Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận để làm hợp đồng vay

tiền. Tại Hợp đồng vay tiền công chứng số 3779, quyền số: 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2020 thể hiện Bà Y đã vay của Bà T 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày công chứng, lãi suất 1,66%/tháng.

Ngoài số tiền 300.000.000 đồng nói trên Bà T còn cho Bà Y vay thêm 20.000.000 đồng vào ngày 08/01/2020 và 30.000.000 đồng vào ngày 22/01/2020 nhưng không làm giấy tờ chứng minh việc vay tiền. Do quá thời hạn trả nợ mà Bà Y không trả tiền nên Bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Bà Y trả nợ 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu Bà Y trả nợ khoản tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2020 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận, đối với số tiền 50.000.000 đồng cho vay vào ngày 08/01/2020 và ngày 22/01/2020 do không có giấy tờ chứng minh nên Bà T chưa yêu cầu Bà Y trả nợ, nếu sau này thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ sẽ khởi kiện thành 01 vụ kiện khác.

Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với Bà Y. Tuy nhiên, Bà Y không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, Bà Y không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2021 người làm chứng bà Htrình bày:

Bà Y và bà Hchơi chung với nhau, do biết Bà T là người cho vay tiền nên H đã giới thiệu để Bà T cho Bà Y vay tiền. Khi vay tiền 02 bên có ra Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận để làm hợp đồng vay tiền vào ngày 24/8/2020, mục đích vay tiền là Bà Y muốn có thêm vốn để mua bán đất, lãi suất hai bên tự thỏa thuận H không can thiệp, H chỉ là người giới thiệu cho Bà Y vay tiền của Bà T và xác nhận Bà Y có vay và nhận của Bà T số tiền 300.000.000 đồng là đúng sự thật. Trong quá trình vay tiền, do Bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Bà T đã nhiều lần nhờ H tới gặp Bà Y để yêu cầu trả nợ cho Bà T nhưng Bà Y chỉ hứa hẹn mà không trả.

Tại hồ sơ do Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận cung cấp theo yêu cầu của Tòa án thể hiện: “Ngày 24/8/2020 Bà Y có vay của Bà T 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày công chứng, lãi suất 1,66%/tháng. Hợp đồng vay tiền công chứng số 3779, quyền số: 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2020”.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Y phải trả cho Bà T 300.000.000 đồng, Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với Bà Y, Bà Y có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn là Bà Y đã được Tòa án tổng đạt và ký nhận các văn bản tố tụng nên biết rõ việc Bà T khởi kiện yêu cầu Bà Y trả nợ tiền vay nhưng Bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Việc Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để Bà Y tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Y.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 24/8/2020, Bà Y vay của Bà T 300.000.000 đồng với thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 24/8/2020, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Khi vay, các bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2020 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Thuận. Đến thời hạn trả nợ, Bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng Bà Y không trả nợ gốc và tiền lãi cho Bà T. Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên Bà T yêu cầu Tòa án xử buộc Bà Y phải trả cho Bà T 300.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/8/2020, việc Bà T cho Bà Y vay 300.000.000 đồng có sự chứng kiến của bà Trần Thị Huệ.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa Bà T và Bà Y được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì Bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên Bà T khởi kiện là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử buộc Bà Y phải trả cho Bà T 300.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng vào ngày 08/01/2020 và 30.000.000 đồng vào ngày 22/01/2020 Bà T được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định với trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T. Buộc Lê Thị Thu Yến phải trả cho Bà T 300.000.000 đồng và Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Bà Y phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Bà Y phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T. Buộc Bà Y phải trả cho Bà T 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Y phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Bà T 8.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004037 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/3/2022) Bà T có quyền kháng cáo. Bà Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân P
- Thi hành án dân sự P
- Lưu

T.M-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN LƯU TRIỀU

